



CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY DỰNG 47

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1820/2025/CC47-BĐT

Gia Lai, ngày 31 tháng 10 năm 2025

**THƯ THÔNG BÁO GIA HẠN THỜI GIẠN MỞ THẦU**  
**Gói thầu: Cung cấp dịch vụ bảo hiểm xe ô tô và máy thi công**

Kính gửi: Quý Công ty.

Căn cứ Thư mời chào giá cạnh tranh số 1749/2025/CC47-BĐT ngày 17/10/2025 của Công ty Cổ phần Xây dựng 47 (CC47) về việc mời tham dự chào giá cạnh tranh “Cung cấp dịch vụ bảo hiểm xe ô tô và máy thi công”, do một số nhà thầu có đề nghị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và để đảm bảo tính cạnh tranh, minh bạch của quá trình lựa chọn nhà thầu, Ban Đấu thầu CC47 xin thông báo:

- Gia hạn thời gian nộp hồ sơ và mở thầu: Thời hạn nộp hồ sơ chậm nhất đến **14h00 ngày 06/11/2025** (Thời hạn cũ: 14h00 ngày 31/10/2025).

- Các nội dung khác của thư mời chào giá (yêu cầu kỹ thuật, hồ sơ chào giá, hình thức nộp, địa chỉ gửi hồ sơ, ...) giữ nguyên, không thay đổi.

Đề nghị Quý Công ty hoàn thiện và nộp hồ sơ chào giá đúng thời hạn gia hạn nêu trên.

Mọi thắc mắc xin liên hệ Thư ký Ban Đấu thầu, Điện thoại: 0975.608.640, Email: [bandauthau@xaydung47.vn](mailto:bandauthau@xaydung47.vn).

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban TGD (b/c)
- Ban KSCP&IID, Đấu thầu;
- Lưu: VTTB, HC.

BAN ĐẤU THẦU



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Hải



Số: 1749/2025/CC47-BĐT

Gia Lai, ngày 17 tháng 10 năm 2025

**THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH**  
V/v cung cấp dịch vụ bảo hiểm xe ô tô và máy thi công

Kính gửi: Quý công ty.

Công ty Cổ phần Xây dựng 47 (CC47) tổ chức chào hàng cạnh tranh lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ bảo hiểm máy thi công, nội dung cụ thể như sau:

- Tên dịch vụ, số lượng:** Cung cấp dịch vụ bảo hiểm vật chất cho xe ô tô và máy thi công của CC47 tại Việt Nam và Lào (có đính kèm danh mục thiết bị)
- Hồ sơ chào giá tối thiểu gồm có:**

- Thư chào giá có hiệu lực trong vòng 60 ngày kể từ ngày mở chào giá, có ký tên đóng dấu của đại diện hợp pháp nhà thầu.

- Quy tắc bảo hiểm máy móc thiết bị chủ thầu; dự thảo hợp đồng bảo hiểm.

- Hiệu lực đặc biệt (hầm lò, nước ngoài)

- Mở rộng bảo hiểm

+ Thiết bị làm việc ở hầm lò, nước ngoài.

+ Đối với bảo hiểm vật chất thiết bị hoạt động tại Lào bổ sung các điều khoản sau:

- Bảo hiểm sửa chữa xe ô tô tại gara tự chọn.
- Điều khoản bảo hiểm mới thay cũ.
- Bảo hiểm vật chất xe không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ
- Bảo hiểm tai nạn lái xe, phụ xe và người ngồi trên xe xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam.
- Bảo hiểm thiệt hại của xe ô tô xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam

- Hồ sơ năng lực.

- Hồ sơ chào giá gửi trực tiếp về Ban Đấu Thầu – Công ty Cổ phần Xây dựng 47, Số 08 Biên Cương, Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai, hoặc gửi bản scan qua địa chỉ Email: bandauthau@xaydung47.vn chậm nhất đến **14h00 ngày 31/10/2025**.

- Mọi chi tiết cần làm rõ thêm thông tin mời chào giá xin liên hệ Thư ký Ban đấu thầu: Ông Phan Văn Thanh – ĐT: 0975.608.640.



Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác từ quý Công ty.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban TGD (b/c)
- Bộ KTNN, Đấu thầu;
- Lưu: TCHC, MH.



## DANH MỤC THIẾT BỊ CẦN MUA BẢO HIỂM

STT	Mã nội bộ	Tên Thiết bị	Biển số xe	Số khung	Số máy	Nước Sx	Năm Sx	Nguyên Giá (vnd)	Môi trường thi công	Vị trí địa lí	Thời hạn bảo hiểm
1	K1022	Cầu bánh lốp Kato KR-25H-V		KR255-1562	6D16-771145	Nhật	1996	2.074.090.909		Lào/Việt	12 tháng
2	K1015	Cầu bánh lốp Kobelco RK250		R250-1169		Nhật	1993	1.782.312.857		Việt Nam	12 tháng
3	K1013	Cầu bánh lốp Kobelco RK250-2		EZ03510		Nhật Bản	1993	1.685.690.476		Việt Nam	12 tháng
4	K1016	Cầu bánh lốp Kobelco RK250-3		EZ3-5289	6D16+-709532	Nhật	1993	1.590.476.190		Việt Nam	12 tháng
5	K0004	Cầu xích Hitachi KH100				Nhật	1993	674.530.667		Việt Nam	12 tháng
6	K0009	Cầu xích Hitachi KH125-3		222-1069	H06TB24718	Nhật	1993	1.224.164.286		Việt Nam	12 tháng
7	K0003	Cầu xích Hitachi KH180				Nhật	1999	1.553.004.762		Việt Nam	12 tháng

STT	Mã nội bộ	Tên Thiết bị	Biển số xe	Số khung	Số máy	Nước Sx	Năm Sx	Nguyên Giá (vnd)	Môi trường thi công	Vị trí địa lí	Thời hạn bảo hiểm
8	K0018	Cầu xích IHI CCH500-3				Nhật	2000	3.390.666.667		Lào/Việt	12 tháng
9	K0017	Cầu xích Kobelco 7045				Nhật	2009	2.746.440.000		Việt Nam	12 tháng
10	K0008	Cầu xích Kobelco 7045 P&H		15787	6D22-150701	Nhật	1991	1.420.335.238		Việt Nam	12 tháng
11	K0011	Cầu xích Kobelco 7055				Nhật	1992	2.736.660.000		Việt Nam	12 tháng
12	K0024	Cầu xích Kobelco 7055		GB00384	6D22-181495	Nhật	1990	4.182.000.000		Việt Nam	12 tháng
13	K0007	Cầu xích NIPPON SHARYO DH500-2				Nhật	2005	1.045.102.524		Việt Nam	12 tháng
14	K0029	Cầu xích NIPPON SHARYO DHP80		85102		Nhật	2015	2.818.181.818		Việt Nam	12 tháng

STT	Mã nội bộ	Tên Thiết bị	Biển số xe	Số khung	Số máy	Nước Sx	Năm Sx	Nguyên Giá (vnd)	Môi trường thi công	Vị trí địa lí	Thời hạn bảo hiểm
15	K0030	Cầu xích SUMITOMO LS118RHD-5		LS118-1186	6SA1-502887	Nhật	1992	2.727.272.727		Việt Nam	12 tháng
16	N0011	Cụm nghiền dăm, cát 300T/h (Cũ)					2012	3.549.600.000		Việt Nam	12 tháng
17	T1001	Hệ thống làm lạnh RCC 40T (trạm bê tông đầm lăn 120m <sup>3</sup> /h)					2009	8.769.605.455		Lào/Việt	12 tháng
18	P0005	Máy bơm bê tông EVERDIGM TP970 90m <sup>3</sup> /h SX 2009 (Hàn Quốc)				HQ	2011	1.957.145.454		Lào/Việt	12 tháng
19	P0006	Máy bơm bê tông Reed A30 HPE					2011	1.271.629.886	Hầm lò/hở	Lào/Việt	12 tháng
20	A2080	Máy cào vơ ITC HRS-112 (cam)		30/128	7293951	Đức	2005	4.575.000.000	Hầm lò	Lào/Việt	12 tháng
21	A2079	Máy cào vơ KEMCO KL20 (trắng)		30/140	7292639	Nhật	2007	4.318.181.818	Hầm lò	Lào/Việt	12 tháng

STT	Mã nội bộ	Tên Thiết bị	Biển số xe	Số khung	Số máy	Nước Sx	Năm Sx	Nguyên Giá (vnd)	Môi trường thi công	Vị trí địa lí	Thời hạn bảo hiểm
22	A0103	Máy đào bánh lốp DOOSAN DX210WA		DHKCEWAEA B5006272	DL06102915EH	KOREA	2011	1.287.037.037	Hầm lò/hở	Lào/Việt	12 tháng
23	A0097	Máy đào bánh lốp DOOSAN DX210WA		DHKCEWAE E A0005809	DL06000558EH	KOREA	2010	1.585.185.185	Hầm lò/hở	Lào/Việt	12 tháng
24	A0102	Máy đào bánh lốp DOOSAN DX210WA		DHKCEWAE L A5005944	DL06002573EH	KOREA	2010	1.296.296.296	Hầm lò/hở	Lào/Việt	12 tháng
25	A0056	Máy đào Caterpillar 320D		CAT0320DKF AL02218	GDC22234	Nhật	2009	1.985.744.484		Lào/Việt	12 tháng
26	A0060	Máy đào Kobelco SK200-8		YN11-52772	JO5E-TG12579	Nhật	2009	1.847.900.000		Lào/Việt	12 tháng
27	A0067	Máy đào Kobelco SK330-8		LC11-08924	JOBE-UN11397	Nhật	2010	3.648.471.364		Lào/Việt	12 tháng
28	A0063	Máy đào Kobelco SK460-8		LS11-02587	P11C-UU12078	Nhật	2010	4.943.181.818		Lào/Việt	12 tháng
29	A0062	Máy đào Kobelco SK460-8		LS11-02583	P11C-UU12070	Nhật	2010	4.943.181.818		Lào/Việt	12 tháng
30	A0073	Máy đào Kobelco SK460-8		LS11-02653	P11C-UU12150	Nhật	2011	6.052.300.000		Lào/Việt	12 tháng

STT	Mã nội bộ	Tên Thiết bị	Biển số xe	Số khung	Số máy	Nước Sx	Năm Sx	Nguyên Giá (vnđ)	Môi trường thi công	Vị trí địa lí	Thời hạn bảo hiểm
31	A0058	Máy đào Komatsu PC120-5E		PC120-57249	4D102-26206015	Nhật	1996	758.095.238		Lào/Việt	12 tháng
32	A0059	Máy đào Komatsu PC220-6		PC220-52191	6D95L-148374	Nhật	1995	1.181.818.182		Lào/Việt	12 tháng
33	A0055	Máy đào Komatsu PC350-6		PC350-012548	6D108-33272	Nhật	2000	1.903.636.364		Lào/Việt	12 tháng
34	A0071	Máy đào Komatsu PC450-7		KMTPC087K02021067	6D125-326227	Nhật	2012	6.784.000.000		Lào/Việt	12 tháng
35	A0072	Máy đào Komatsu PC450-7		KMTPC087J02021068	6D125-325958	Nhật	2012	6.784.000.000		Lào/Việt	12 tháng
36	A0057	Máy đào Komatsu PC450-7		KMTPC087C02020108	6D125-313561	Nhật	2007	3.842.028.000		Lào/Việt	12 tháng
37	A0047	Máy đào Komatsu PC450-7		KMTPC087A-02020720	6D125-322050	Nhật	2008	3.360.000.000		Lào/Việt	12 tháng
38	A0070	Máy đào Komatsu PC450-7		KMTPC087T02021065	6D125-326126	Nhật	2012	6.784.000.000		Lào/Việt	12 tháng
39	A0099	Máy đào Komatsu PC450-8R		KMTPC196CNC077163	6D125665416	Nhật	2022	6.359.259.259		Lào/Việt	12 tháng
40	A0098	Máy đào Komatsu PC450-8R		KMTPC196VNC077155	6D125665381	Nhật	2022	6.359.259.259		Lào/Việt	12 tháng

STT	Mã nội bộ	Tên Thiết bị	Biển số xe	Số khung	Số máy	Nước Sx	Năm Sx	Nguyên Giá (vnd)	Môi trường thi công	Vị trí địa lí	Thời hạn bảo hiểm
41	A0100	Máy đào Komatsu PC450-8R		KMTPC196J NC077170	6D125665433	Nhật	2022	6.359.259.259		Lào/Việt	12 tháng
42	A0094	Máy đào Kubota KX251A		30573	V330-5S0367	NHẬT BẢN	2006	2.162.265.625		Việt Nam	12 tháng
43	D0042	Máy đầm Bomag BMP851 (2 bánh thép)				Đức	1998	302.400.625		Việt Nam	12 tháng
44	D0038	Máy đầm Bomag BMP851 (2 bánh thép)				Đức	1998	500.241.300		Việt Nam	12 tháng
45	D0053	Máy đầm Bomag BW100AD-4 (2 bánh thép)		1011505140 94	00598803	Đức	2005	254.545.455		Việt Nam	12 tháng
46	D0035	Máy đầm Bomag BW213PDH-3		1015803516 52	765992	Đức	2002	954.294.160		Lào/Việt	12 tháng
47	D0036	Máy đầm Bomag BW213PDH-3				Đức	2002	954.294.160		Lào/Việt	12 tháng
48	D0052	Máy đầm Sakai SV160DV		VSV2D- 20099	6BG1-117448	Nhật	2003	1.534.909.090		Lào/Việt	12 tháng
49	D0049	Máy đầm Sakai SV512D-H (trống trơn)		2SV23- 30594	954864	Nhật	2009	1.112.857.143		Lào/Việt	12 tháng

STT	Mã nội bộ	Tên Thiết bị	Biển số xe	Số khung	Số máy	Nước Sx	Năm Sx	Nguyên Giá (vnd)	Môi trường thi công	Vị trí địa lí	Thời hạn bảo hiểm
50	D0043	Máy đầm Sakai SV512T-H		2SV23-30491	962084	Nhật	2009	1.351.190.476		Lào/Việt	12 tháng
51	D0044	Máy đầm Sakai SV512T-H		2SV23-30492	962162	Nhật	2009	1.351.190.476		Lào/Việt	12 tháng
52	D0040	Máy đầm Sakai SW800 (2 bánh thép)		VSW35-10169	937312	Nhật-TQ	2007	1.189.920.000		Lào/Việt	12 tháng
53	D0060	Máy đầm XCMG XD120	50SA2255	XUG01207LRJE03516	V2038C41Q240892258V	Trung Quốc	2024	486.681.481		Lào/Việt	12 tháng
54	D0055	Máy đầm XCMG XD120	50SA2147	XUG01207CRJE00653	V2038C41Q230499511V	Trung Quốc	2024	487.004.106		Lào/Việt	12 tháng
55	D0059	Máy đầm XCMG XD120	43SA0454	XUG01207HRJE00909	V2038C41Q240393804V	Trung Quốc	2024	481.481.482		Lào/Việt	12 tháng
56	D0058	Máy đầm XCMG XD120	43SA0452	XUG01207HRJE00908	V2038C41Q240293869V	Trung Quốc	2024	481.481.482		Lào/Việt	12 tháng
57	D0062	Máy đầm XCMG XD120	50SA2257	XUG01207CRJE03522	V2038C41Q240893815V	Trung Quốc	2024	486.681.481		Lào/Việt	12 tháng
58	D0061	Máy đầm XCMG XD120	50SA2256	XUG01207HRJE03520	V2038C41Q240893814V	Trung Quốc	2024	486.681.481		Lào/Việt	12 tháng
59	D0057	Máy đầm XCMG XD120	43SA0453	XUG01207LRJE00695	V2038C41Q231094741V	Trung Quốc	2024	481.481.482		Lào/Việt	12 tháng

STT	Mã nội bộ	Tên Thiết bị	Biển số xe	Số khung	Số máy	Nước Sx	Năm Sx	Nguyên Giá (vnđ)	Môi trường thi công	Vị trí địa lí	Thời hạn bảo hiểm
60	E0033	Máy điện diezen - Yu Chai, 450KVA					2016	200.000.000		Việt Nam	12 tháng
61	F0043	Máy khoan Furukawa HCR1200-DS					2013	5.180.050.000		Lào/Việt	12 tháng
62	F1045	Máy khoan hầm ATLAS COPCO BOOMER 282					2008	6.226.228.800	Hầm lò	Lào/Việt	12 tháng
63	F1052	Máy khoan hầm Atlas Copco Boomer L2D		MHN15URE0009/8999205700	11795949TCD2013L042V	Ấn Độ/Thụy Điển	2015	7.200.000.000	Hầm lò	Lào/Việt	12 tháng
64	K4040	Máy nâng Aichi RV 091		332006		Nhật Bản	2015	312.727.273	Hầm lò	Lào/Việt	12 tháng
65	K4027	Máy nâng người bánh xích AICHI-RV093				Nhật	2013	327.272.727	Hầm lò	Lào/Việt	12 tháng
66	F2036	Máy nén khí FUSHENG SA37A					2010	204.967.000		Lào/Việt	12 tháng
67	E0024	Máy phát điện Caterpillar 800 KVA				Nhật	2008	1.807.333.943		Lào/Việt	12 tháng
68	E0029	Máy phát điện Denyo (Đc Mitsubishi S12A2-PTA)				Nhật	2005	1.255.000.000		Việt Nam	12 tháng

STT	Mã nội bộ	Tên Thiết bị	Biển số xe	Số khung	Số máy	Nước Sx	Năm Sx	Nguyên Giá (vnd)	Môi trường thi công	Vị trí địa lí	Thời hạn bảo hiểm
69	E0027	Máy phát điện EVERDIGM 200KVA				HQ	2010	469.462.727		Lào/Việt	12 tháng
70	E0026	Máy phát điện EVERDIGM 275KVA				HQ	2010	611.130.909		Lào/Việt	12 tháng
71	E0028	Máy phát điện EVERDIGM SJ200E 200KVA		PIL12100918		HQ	2010	469.218.991		Việt Nam	12 tháng
72	E0025	Máy phát điện KING POWER GBT5.9-G1 100KVA				TQ-VN	2008	271.188.400		Việt Nam	12 tháng
73	C2051	Máy rải bê tông nhựa XCMG RP603	50XA7273	XUG00603H RJR00491	QSB67C1703093 337755	Trung Quốc	2024	3.500.362.963		Lào/Việt	12 tháng
74	C0048	Máy ủi Caterpillar D6H LGP		1KD04414	10Z25018	Nhật	1996	1.227.272.728		Lào/Việt	12 tháng
75	C0046	Máy ủi Caterpillar D6R		CAT00D6RAS 6X01270	THX42984	Nhật	2012	4.805.000.000		Lào/Việt	12 tháng
76	C0045	Máy ủi Caterpillar D6R		CAT00D6RKS 6X01084	THX40811	Nhật	2012	4.805.000.000		Lào/Việt	12 tháng
77	C0040	Máy ủi Caterpillar D6R		CAT00D6RCJ EK00200	THX14211	Nhật	2008	3.140.217.259		Lào/Việt	12 tháng

STT	Mã nội bộ	Tên Thiết bị	Biển số xe	Số khung	Số máy	Nước Sx	Năm Sx	Nguyên Giá (vnd)	Môi trường thi công	Vị trí địa lí	Thời hạn bảo hiểm
78	C0042	Máy ủi Caterpillar D6R III		CAT00D6RCJ EK00213	THX15858	Nhật	2008	3.428.270.089		Lào/Việt	12 tháng
79	C0030	Máy ủi Komatsu D65E-12		65739	96808	Nhật	2006	2.157.973.000		Lào/Việt	12 tháng
80	C0024	Máy ủi Komatsu D65E-12		63430	84139	Nhật	2000	2.167.298.775		Việt Nam	12 tháng
81	A1053	Máy xúc Furukawa FL270-I		F15-1143	6D16-749706	Nhật	1993	876.190.476		Lào/Việt	12 tháng
82	A1065	Máy xúc Hyundai HL760-7A		HHIHLC04CB 0001263	26566405	HQ	2010	2.456.760.000		Lào/Việt	12 tháng
83	A1085	Máy xúc Komatsu WA 100-1		W005-10682	6D95L-16461	Nhật	1999	918.909.091		Lào/Việt	12 tháng
84	A1086	Máy xúc Komatsu WA30-5				Nhật	1992	500.000.000		Việt Nam	12 tháng
85	A1101	Máy xúc lật bánh lốp LiuGong ZL50CN (Xúc hầm)		GJ2302168	6LT9390239980	Trung Quốc	2023	1.368.181.818	Hầm lò/hở	Lào/Việt	12 tháng
86	A1095	Máy xúc LIUGONG CLG855H		GJ1968350	6LT9390093833	Trung Quốc	2019	1.140.909.081		Lào/Việt	12 tháng
87	B5185	Ô tô khách Hyundai Univer	77B02227	18BP8C0901 141	D6AB7145630	Hàn Quốc	2007	2.751.614.048		Việt Nam	12 tháng

STT	Mã nội bộ	Tên Thiết bị	Biển số xe	Số khung	Số máy	Nước Sx	Năm Sx	Nguyên Giá (vnd)	Môi trường thi công	Vị trí địa lí	Thời hạn bảo hiểm
88	B4314	Ô tô Mitsubishi PAJERO SPORT D4WMT	77A01711	JTEBX9FJ50K 117985	8495250 2TR	Việt Nam	2013	879.231.000		Việt Nam	12 tháng
89	B4241	Ô tô bán tải Ford Ranger UV7C	77L0690	LGAXLMDN5 91065546	L34020*6996002 3*	Ford	2009	562.269.333		Việt Nam	12 tháng
90	B4313	Ô tô bán tải Ford Ranger XLT	77C04974	RL4ZX69GO D9002873	2TR-7490280	Ford	2013	722.061.818		Lào/Việt	12 tháng
91	B4222	Ô tô bán tải ISUZU Dmax	77A-36316	FT2333	RLETFS85H87100 300	Nhật	2008	527.707.236		Việt Nam	12 tháng
92	B4344	Ô tô bán tải MAZDA BT-50	77C10192	LVBJFFA2G N005028	YC4D130- 33*1FQ342F000 97*	Thái Lan	2015	607.625.455		Lào/Việt	12 tháng
93	B4343	Ô tô bán tải MAZDA BT-50	77C10213	LFCNKB4P9B 2002793	SC8DK260Q3*D9 115041098*	Thái Lan	2015	607.625.455		Lào/Việt	12 tháng
94	B7382	Ô tô bơm bê tông DongFeng	77A34529	LGAX2A136J 4000910	EQH18052J3003 593	Trung Quốc	2018	571.200.000		Lào/Việt	12 tháng

STT	Mã nội bộ	Tên Thiết bị	Biển số xe	Số khung	Số máy	Nước Sx	Năm Sx	Nguyên Giá (vnđ)	Môi trường thi công	Vị trí địa lí	Thời hạn bảo hiểm
95	B6287	Ô tô cầu Kato NK 300 E -V	77C01324	KS305R-B10057	8DC9-441924	Nhật	2009	2.555.030.000		Việt Nam	12 tháng
96	B6345	Ô tô cầu Sanny QY25C		LVBZJFFA0G N005027	YC4D130- 33*1FQ342F000 96*	TQ	0	1.044.115.682		Lào/Việt	12 tháng
97	B6327	Ô tô cầu THACO FORLAND	51C29847	RNHC800AC CC072137	YC4E135- 21*E13F4A00037 *	Việt Nam	2007	1.178.790.909		Việt Nam	12 tháng
98	B4212	Ô tô con Toyota Camry 2.4	77A27225	LGAXLMDN6 72013513	L34020*6919478 8*	Toyota VN	2008	797.781.077		Việt Nam	12 tháng
99	B1259	Ô tô chuyển trộn Daewoo	77L3136	KL3K4MV1 AK000437	DV15TIS000493X A	HQ	2010	1.507.800.000		Lào/Việt	12 tháng
100	B1261	Ô tô chuyển trộn Daewoo	77L3181	KL3K4MV1 AK000438	DV15TIS000491X A	HQ	2010	1.507.800.002		Việt Nam	12 tháng
101	B1244	Ô tô chuyển trộn Dongfeng	77L1126	KMCDB18CP 9C034591	D6AC9172982	TQ	2008	1.061.897.667		Việt Nam	12 tháng
102	B1229	Ô tô chuyển trộn Dongfeng	77C22177	KMCDB18CP 9C034419	D6AC9171423	TQ	2008	1.060.021.714		Việt Nam	12 tháng

STT	Mã nội bộ	Tên Thiết bị	Biển số xe	Số khung	Số máy	Nước Sx	Năm Sx	Nguyên Giá (vnd)	Môi trường thi công	Vị trí địa lí	Thời hạn bảo hiểm
103	B1243	Ô tô chuyển trộn Dongfeng	77C04928	LGAXLMDN1 91065544	L34020*6996002 1*	TQ	2008	1.061.897.667		Việt Nam	12 tháng
104	B1245	Ô tô chuyển trộn Dongfeng	77L1140	LGAXLMDN1 91065544	L34020*6996002 1*	TQ	2008	1.061.897.667		Việt Nam	12 tháng
105	B1215	Ô tô chuyển trộn Dongfeng	77H9186	LGAXLMDN6 91040915	L34020*6995977 8*	TQ	2007	1.000.478.000		Việt Nam	12 tháng
106	B1230	Ô tô chuyển trộn Dongfeng	77H9806	LGAXLMDN8 91040916	L34020*6995977 9*	TQ	2008	1.060.021.714		Việt Nam	12 tháng
107	B1228	Ô tô chuyển trộn Dongfeng	77H9308	LGAXLMDN6 91040915	L34020*6995977 8*	TQ	2008	1.060.021.714		Việt Nam	12 tháng
108	B1214	Ô tô chuyển trộn Dongfeng	77H9158	LGAXLMDN1 73014529	L34020*6919638 0*	TQ	2007	1.000.478.000		Việt Nam	12 tháng
109	B1346	Ô tô chuyển trộn FORLAND	77C11394			TQ	2016	650.363.636		Việt Nam	12 tháng
110	B1337	Ô tô chuyển trộn FORLAND	77C05852			TQ	2013	668.945.455		Việt Nam	12 tháng
111	B1347	Ô tô chuyển trộn FORLAND	77C11228			TQ	2016	650.363.636		Việt Nam	12 tháng

STT	Mã nội bộ	Tên Thiết bị	Biển số xe	Số khung	Số máy	Nước Sx	Năm Sx	Nguyên Giá (vnd)	Môi trường thi công	Vị trí địa lí	Thời hạn bảo hiểm
112	B1268	Ô tô chuyển trộn Hyundai HD270	77L3819	KMCDH18SP AC045891	D6CAA195845	HQ	2010	1.534.368.182		Lào/Việt	12 tháng
113	B1271	Ô tô chuyển trộn Hyundai HD270	77L3866			HQ	2010	1.534.368.182		Lào/Việt	12 tháng
114	B1272	Ô tô chuyển trộn Hyundai HD270	77L3867	KMCDH18SP AC045894	D6CAA195910	HQ	2010	1.534.368.181		Lào/Việt	12 tháng
115	B3255	Ô tô đầu kéo Hyundai HD700	77L2326	KMEFE18CP 9C034749	D6AC9171648	HQ	2009	1.215.238.095		Việt Nam	12 tháng
116	B0191	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77H7117	KMCDB18CP 5C006020	D6AC5109118	HQ	2005	1.195.170.095		Lào/Việt	12 tháng
117	B0205	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77H8168	KMCDB18CP 8C025571	D6AC8154579	HQ	2008	1.316.682.000		Lào/Việt	12 tháng
118	B0249	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77L1363	MNCLSFE10 AW823261	1116695	HQ	2009	1.481.446.714		Việt Nam	12 tháng
119	B0329	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77C05012	KMCDB18CP BC051020	D6ACB209833	HQ	2011	1.579.454.545		Lào/Việt	12 tháng

STT	Mã nội bộ	Tên Thiết bị	Biển số xe	Số khung	Số máy	Nước Sx	Năm Sx	Nguyên Giá (vnd)	Môi trường thi công	Vị trí địa lí	Thời hạn bảo hiểm
120	B0190	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77H7096	KMCDB18CP 7C-019733	D6AC7-138424	HQ	2007	1.265.291.667		Lào/Việt	12 tháng
121	B0206	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77H8546	KMCDB18CP 8C025578	D6AC8156303	HQ	2008	1.319.214.000		Lào/Việt	12 tháng
122	B0239	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77L0596	KMCDB18CP 9C034420	D6AC9-171395	HQ	2009	1.446.074.000		Lào/Việt	12 tháng
123	B0248	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77L1356	KMCDB18CP 9C034597	D6AC9173317	HQ	2009	1.481.446.714		Lào/Việt	12 tháng
124	B0236	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77C06642	KMCDB18CP 9C034416	D6AC9-171394	HQ	2009	1.446.074.000		Lào/Việt	12 tháng
125	B0289	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77C03589	KMCDH18SP AC045685	D6CAA191144	HQ	2010	1.726.968.182		Lào/Việt	12 tháng
126	B0328	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77C05004	KMCDB18CP AC048902	D6ACA200524	HQ	2010	1.579.454.545		Lào/Việt	12 tháng
127	B0330	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77C05107	KMCDB18CP BC051021	D6ACB209865	HQ	2011	1.579.454.545		Lào/Việt	12 tháng
128	B0275	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77L4048	KMCDB18CP AC047661	D6ACA196174	HQ	2010	1.405.463.132		Lào/Việt	12 tháng
129	B0291	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77C04052	KMCDH18SP AC045684	D6CAA191145	HQ	2010	1.726.968.182		Việt Nam	12 tháng

STT	Mã nội bộ	Tên Thiết bị	Biển số xe	Số khung	Số máy	Nước Sx	Năm Sx	Nguyên Giá (vnd)	Môi trường thi công	Vị trí địa lí	Thời hạn bảo hiểm
130	B0303	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77C04169	KMCDB18SP BC059427	D6CAB214377	HQ	2011	1.829.168.182		Việt Nam	12 tháng
131	B0306	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77C04107	KMCDB18CP AC046282	D6ACA191945	HQ	2010	1.541.150.000		Lào/Việt	12 tháng
132	B0332	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77C05291	KMCDB18CP AC048914	D6ACA200713	HQ	2010	1.579.454.545		Lào/Việt	12 tháng
133	B0193	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77H7131	KMCDB18CP 5C006025	D6AC5109117	HQ	2005	1.195.170.095		Lào/Việt	12 tháng
134	B0235	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77L0575	KMCDB18CP 9C034423	D6AC9171391	HQ	2009	1.446.074.000		Lào/Việt	12 tháng
135	B0279	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77L4027	KMCDB18CP AC047610	D6ACA193008	HQ	2010	1.405.463.132		Lào/Việt	12 tháng
136	B0300	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77C04112	KMCDB18SP BC059423	D6CAB214676	HQ	2011	1.829.168.182		Lào/Việt	12 tháng
137	B0307	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77C04196	KMCDB18CP AC047618	D6ACA194849	HQ	2010	1.541.150.000		Lào/Việt	12 tháng
138	B0204	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77H8167	KMCDB18CP 8C025578	D6AC8156303	HQ	2008	1.316.682.000		Việt Nam	12 tháng
139	B0233	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77L0570	KMCDB18CP 9C034424	D6AC9-171306	HQ	2009	1.446.074.000		Lào/Việt	12 tháng

STT	Mã nội bộ	Tên Thiết bị	Biển số xe	Số khung	Số máy	Nước Sx	Năm Sx	Nguyên Giá (vnd)	Môi trường thi công	Vị trí địa lí	Thời hạn bảo hiểm
140	B0281	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77L4089	KMCDB18CP AC047605	D6ACA193792	HQ	2010	1.405.463.132		Lào/Việt	12 tháng
141	B0302	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77C04149	KMCDB18SP BC059426	D6CAB214440	HQ	2011	1.829.168.182		Việt Nam	12 tháng
142	B0276	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77L4060	KMCDB18CP AC047604	D6ACA193794	HQ	2010	1.405.463.132		Lào/Việt	12 tháng
143	B0188	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77H7090	KMCDB18CP 7C019733	D6AC7138424	HQ	2007	1.265.291.667		Lào/Việt	12 tháng
144	B0240	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77L0600	KMCDB18CP 9C034422	D6AC9-171392	HQ	2009	1.446.074.000		Lào/Việt	12 tháng
145	B0274	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77L4034	KMCDB18CP AC047660	D6ACA196206	HQ	2010	1.405.463.132		Việt Nam	12 tháng
146	B0282	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77C00260	KMCDB18CP AC048895	D6ACA200268	HQ	2010	1.393.786.364		Lào/Việt	12 tháng
147	B0283	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77C00025	KMCDB18CP AC047663	D6ACA196173	HQ	2010	1.405.329.129		Lào/Việt	12 tháng
148	B0304	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77C03839	KMCDB18CP AC048900	D6ACA200522	HQ	2010	1.541.150.000		Lào/Việt	12 tháng
149	B0305	Ô tô tải ben Hyundai HD270	77C03980	KMCDB18CP AC047588	D6ACA193836	HQ	2010	1.541.150.000		Lào/Việt	12 tháng
150	B3273	Ô tô tải thùng KIA	77L3718	KMCDB18CP AC047661	D6ACA196174	HQ	2008	227.777.263		Lào/Việt	12 tháng

STT	Mã nội bộ	Tên Thiết bị	Biển số xe	Số khung	Số máy	Nước Sx	Năm Sx	Nguyên Giá (vnd)	Môi trường thi công	Vị trí địa lí	Thời hạn bảo hiểm
151	B3216	Ô tô tải thùng KIA K3000S	77H9203	27T8C03545 0	JT-584406	HQ	2008	223.647.619		Lào/Việt	12 tháng
152	B3288	Ô tô tải thùng KIA K3000S	77C03718	RNHKCB27T CC902608	JT-632545	VN	2012	301.092.364		Lào/Việt	12 tháng
153	B2225	Ô tô tọc nước Foton 6 tấn FD4200A	77C21932	RNHFD60YD 9C-039694	YC4D12021D12F- 9900012	TQ	2009	301.438.095		Việt Nam	12 tháng
154	B2217	Ô tô tọc nước Foton 6 tấn FD4200A	77H9230	RNHFD60C5 8C031136	YC4108ZQ*D12F 9800536*	TQ	2008	287.824.762		Việt Nam	12 tháng
155	B2226	Ô tô tọc nước Foton 6 tấn FD4200A	77L0311	OYD9C- 039695	D12F-9900013	TQ	2009	301.438.095		Việt Nam	12 tháng
156	B2266	Ô tô tọc nước Foton FD4200A	77C00043	RNHFD6AYD AC061850	YC4D120- 21*D12F9A0089 4*	TQ	2009	320.686.364		Việt Nam	12 tháng
157	B2211	Ô tô tọc nước Foton FD4200A	77C22063	RNHFD60C5 8C034366	YC4108ZQ *D12F9800746*	TQ	2008	306.300.000		Việt Nam	12 tháng
158	B2309	Ô tô tọc nhiên liệu Thành Công	77C03907	RLUT31COK 8B000037	CY4100ZLQ07242 981	VN	2008	375.502.727		Việt Nam	12 tháng
159	B4286	Ô tô Toyota Land cruiser	77A00707	RNHKCB27T CC902608	JT632545	Toyota VN	2011	2.631.709.091		Việt Nam	12 tháng

STT	Mã nội bộ	Tên Thiết bị	Biển số xe	Số khung	Số máy	Nước Sx	Năm Sx	Nguyên Giá (vnd)	Môi trường thi công	Vị trí địa lí	Thời hạn bảo hiểm
160	B3005	Rơ MoócDOOSUNG DV-LBKS-330A	77R0132	RR2LNJXTZB VB07003			2011	531.100.000		Việt Nam	12 tháng
161	K4026	Xe nâng Doosan D35S-5		FDB01-1130- 02225	DB58S210065	Hàn Quốc	2007	640.909.091		Việt Nam	12 tháng
162	K4012	Xe nâng Komatsu FD25T-16				Nhật	2007	288.834.400		Việt Nam	12 tháng
163	K4028	Xe nâng người bánh lốp AICHI-SP120				Nhật	1998	436.363.636	Hầm lò/hở	Việt Nam	12 tháng
164	K4032	Xe nâng Schoma (cứu hộ đường hầm)		4664		Đức	2015	1.895.454.545	Hầm lò/hở	Lào/Việt	12 tháng
165	PO014	Xe phun bê tông NORMET SPRAYMEC7110WPC		114	00955685	Phần Lan	2004	1.530.000.000	Hầm lò/hở	Lào/Việt	12 tháng

**Ghi chú:** Đối với các thiết bị ở Lào yêu cầu có bảo hiểm hỗn hợp tùy chọn như sau

- Bảo hiểm sửa chữa xe ô tô tại gara tự chọn
- Điều khoản bảo hiểm mới thay cũ
- Bảo hiểm vật chất xe không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ
- Bảo hiểm thiệt hại của xe ô tô xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam
- Điều khoản bảo hiểm tai nạn lái xe, phụ xe và người ngồi trên xe xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam.

